

Gia Lai, ngày 30 tháng 1 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV/2019 so với Quý IV/2018 như sau:

- Lỗ sau thuế Quý IV/2019: 11 tỷ đồng.
- Lỗ sau thuế Quý IV/2018: 151 tỷ đồng.

Các biến động như sau:

1. Hoạt động kinh doanh

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ tăng 13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 20 tỷ đồng; Quý IV/2019: 33 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ phát sinh mua bán sản phẩm cây ăn trái và máy móc thiết bị cung cấp cho ngành Nông nghiệp.
- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong kỳ tăng 13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018 là 19 tỷ đồng; Quý IV/2019 là 32 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ giảm 44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 63 tỷ đồng; Quý IV/2019: 19 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do Quý IV/2018 có trích một số khoản chi phí dự phòng liên quan đến hoạt động kinh doanh, khoản chi phí này phát sinh ít hơn trong Quý IV/2019.

2. Hoạt động tài chính

- Doanh thu tài chính trong kỳ giảm 54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 321 tỷ đồng; Quý IV/2019: 267 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Lãi cho vay giảm 44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 311 tỷ đồng; Quý IV/2019: 267 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do thu hồi khoản cho vay từ các công ty con và các công ty khác.
 - + Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 10 tỷ đồng; Quý IV/2019: 0 tỷ đồng).
- Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ giảm 180 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 425 tỷ đồng; Quý IV/2019: 245 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Chi phí lãi vay giảm 71 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 271 tỷ đồng; Quý IV/2019: 200 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do số dư nợ vay giảm.
 - + Lỗ thanh lý từ các khoản đầu tư tăng 44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: Không phát sinh; Quý IV/2019: 44 tỷ đồng).
 - + Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con giảm 133 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 133 tỷ đồng; Quý IV/2019: Không phát sinh).
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái giảm 17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 17 tỷ đồng; Quý IV/2019: 0 tỷ đồng).



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: contact@hagl.com.vn

3. Hoạt động khác

- Thu nhập khác trong kỳ giảm 23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 23 tỷ đồng; Quý IV/2019: 0 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do Quý IV/2018 phát sinh lãi từ thanh lý tài sản cố định.
- Chi phí khác trong kỳ tăng 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 (Quý IV/2018: 3 tỷ đồng; Quý IV/2019: 13 tỷ đồng).

Các lĩnh vực khác của Công ty không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV/2019.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯƠNG SƠN





HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2019

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	7 - 40

5
C
C
DÀ
GI
KH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.815.905.777	3.251.095.303
110	I. Tiền	4	116.834.469	212.718.119
111	1. Tiền		116.834.469	212.718.119
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.644.378.353	2.968.015.884
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	391.053.860	148.062.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	276.537.115	53.223.639
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.112.575.874	1.685.257.537
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	977.915.701	1.092.715.724
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(113.704.197)	(11.243.944)
140	III. Hàng tồn kho	9	48.763.916	60.697.932
141	1. Hàng tồn kho		49.038.234	60.972.250
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.318)	(274.318)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.929.039	9.663.368
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		429.859	301.304
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.776.848	5.295.828
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		3.722.332	4.066.236
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.322.652.450	23.810.496.598
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.459.712.196	10.776.517.466
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.838.255.231	10.180.412.985
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	898.084.158	596.104.481
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(276.627.193)	-
220	II. Tài sản cố định		197.156.682	212.651.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	169.314.362	183.522.505
222	Nguyên giá		290.309.446	301.198.226
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(120.995.084)	(117.675.721)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	27.842.320	29.129.279
228	Nguyên giá		40.450.152	40.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.607.832)	(11.320.873)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	35.865.370	37.104.803
231	1. Nguyên giá		42.073.202	42.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.207.832)	(4.968.399)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.752.230	9.583.389
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.752.230	9.583.389
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.609.511.112	12.763.110.626
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	6.656.151.071	10.312.155.846
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	5.000.000	3.258.537.647
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.1	(59.000.000)	(814.942.908)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		10.654.860	11.528.530
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.654.860	11.068.748
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	459.782
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.138.558.227	27.061.591.901

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.001.380.624	14.266.324.224
310	I. Nợ ngắn hạn		1.518.364.001	3.424.554.493
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	58.205.396	34.626.192
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.604.811	3.933.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.998.774	3.659.623
314	4. Phải trả người lao động		11.983.334	8.312.678
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	823.460.957	553.114.180
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		60.667	228.667
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	170.315.427	1.002.721.830
320	8. Vay ngắn hạn	20	446.631.125	1.817.853.875
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		8.483.016.623	10.841.769.731
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.139.729.876	1.374.149.901
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	292.666.626	570.075.796
338	3. Vay dài hạn	20	7.044.687.161	8.891.914.013
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		322.939	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.610.021	5.630.021
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.137.177.603	12.795.267.677
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	12.137.177.603	12.795.267.677
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lỗi lũy kế sau thuế chưa phân phối		(680.569.314)	(22.479.240)
421a	- (Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(22.479.240)	85.590.785
421b	- Lỗi sau thuế chưa phân phối năm nay		(658.090.074)	(108.070.025)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.138.558.227	27.061.591.901



Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng




Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2020

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2019

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	33.332.912	20.091.424	100.734.788	150.747.273
11	2. Giá vốn hàng bán	23	(31.969.475)	(18.679.528)	(93.112.577)	(122.765.299)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.363.437	1.411.896	7.622.211	27.981.974
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	267.425.409	320.995.787	1.291.961.813	1.393.240.909
22	5. Chi phí tài chính	24	(244.833.622)	(425.308.308)	(1.581.416.011)	(1.329.038.372)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(200.494.145)	(271.519.337)	(914.705.240)	(1.077.816.296)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.229.910)	(4.105.489)	(4.564.764)	(5.557.393)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(19.499.529)	(62.609.192)	(60.012.252)	(213.379.470)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		3.225.785	(169.615.306)	(346.409.003)	(126.752.352)
31	9. Thu nhập khác	27	372.575	23.141.842	146.111.789	25.692.529
32	10. Chi phí khác	27	(13.698.177)	(3.462.394)	(455.774.139)	(9.999.364)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(13.325.602)	19.679.448	(309.662.350)	15.693.165


Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(10.099.817)	(149.935.858)	(656.071.353)	(111.059.187)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	-	-	-	(4.066.942)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28	(505.455)	(1.161.283)	(782.721)	7.056.104
60	15. Lỗ sau thuế TNDN		(10.605.272)	(151.097.141)	(656.854.074)	(108.070.025)


Trần Thị Thanh Hiếu
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Quý IV năm 2019

Ngàn VND


Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ trước thuế		(656.071.353)	(111.059.187)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	15.916.828	19.232.945
03	Các khoản dự phòng		(376.855.462)	214.897.837
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(331.467)	21.190.788
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		139.749.166	(1.370.044.503)
06	Chi phí lãi vay	24	914.705.240	1.077.816.296
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.112.952	(147.965.824)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.515.725.624)	527.802.497
10	Giảm hàng tồn kho		11.934.016	54.039.893
11	Giảm các khoản phải trả		(607.260.204)	(1.382.409.990)
12	Giảm chi phí trả trước		285.333	2.900.134
14	Tiền lãi vay đã trả		(728.189.479)	(336.677.729)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.927.750)	(49.839.924)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.236.000)	(1.423.684)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.805.006.756)	(1.333.574.627)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(252.853)	(309.545)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		24.105.154	-
23	Tiền chi cho vay		(5.972.088.588)	(4.534.472.229)
24	Tiền thu hồi cho vay		4.828.959.103	4.674.851.401
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(376.313.640)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		5.452.581.129	2.550.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		861.335.326	1.145.906.722
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.194.639.271	912.212.709

377
GT
HAI
AM
VI
SIA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	925.824.600
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.485.516.165)	(305.041.649)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.485.516.165)	620.782.951
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.883.650)	199.421.033
60	Tiền đầu năm	4	212.718.119	13.297.086
70	Tiền cuối năm	4	116.834.469	212.718.119



Trần Thị Thanh Hiếu
 Người lập



Lê Trương Y Trâm
 Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2019

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo ba mươi (30) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, mười bốn (14) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao, giải trí, sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2019 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

15
 C
 C
 2A
 31
 K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 3 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán năm cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán năm theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

90
 CO
 CO
 AN
 GIA
 SU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt tại quỹ	748.796	1.214.202
Tiền gửi ngân hàng	116.085.673	211.503.917
TỔNG CỘNG	116.834.469	212.718.119

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu thanh lý các khoản đầu tư	250.065.000	-
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.717.584	47.677.813
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	34.140.815	34.415.390
Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định và tài sản đầu tư	26.323.777	60.258.805
Phải thu tiền bán căn hộ	3.806.684	5.710.920
TỔNG CỘNG	391.053.860	148.062.928

Phải thu ngắn hạn khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 128.115.948 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Thuyết minh số 29).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	276.537.115	53.223.639

Trả trước cho người bán ngắn hạn bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 268.265.107 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Thuyết minh số 29).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	3.930.680.512	1.667.079.652
Trong đó:		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii)	2.052.173.055	633.710.951
Cho vay ngắn hạn các công ty con (i)	1.878.507.457	1.033.368.701
Cho vay ngắn hạn các công ty khác (iii)	181.895.362	18.177.885
	4.112.575.874	1.685.257.537
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	8.777.568.963	10.122.511.765
Trong đó:		
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii)	7.444.257.203	6.130.524.711
Cho vay dài hạn các công ty con (i)	1.333.311.760	3.991.987.054
Cho vay dài hạn các công ty khác (iii)	43.380.908	42.880.908
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iv)	17.305.360	15.020.312
	8.838.255.231	10.180.412.985
TỔNG CỘNG	12.950.831.105	11.865.670.522

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 1 năm 2023, và lãi suất cho vay dao động từ 8,00%/năm đến 12,50%/năm.
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 3 năm 2023 và lãi suất cho vay dao động từ 4,80%/năm đến 12,00%/năm.
- (iii) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 12 năm 2022 và lãi suất cho vay dao động từ 9,00% đến 12,50%/năm.
- (iv) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản cho vay này sẽ được căn trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	914.171.182	1.082.052.198
Phải thu các công ty khác	46.179.818	-
Lãi cho vay các công ty	11.061.165	6.800.304
Phải thu nhân viên	4.658.568	2.004.657
Các khoản khác	1.844.968	1.858.565
	977.915.701	1.092.715.724
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	895.594.486	594.554.350
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
Các khoản khác	1.974.992	1.035.451
	898.084.158	596.104.481
TỔNG CỘNG	1.875.999.859	1.688.820.205

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Giá trị của các căn hộ sẵn sàng để bán	32.002.629	32.002.629
Vật liệu xây dựng	6.228.272	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.984.497	19.519.569
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	5.114.407	18.649.479
<i>Hoạt động sản xuất</i>	870.090	870.090
Hàng hóa	4.517.307	7.279.617
Nguyên vật liệu	152.782	2.016.559
Công cụ, dụng cụ	94.410	95.315
Thành phẩm	58.337	58.561
TỔNG CỘNG	49.038.234	60.972.250
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.318)	(274.318)
GIÁ TRỊ THUẦN	48.763.916	60.697.932

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	227.147.150	28.703.459	35.531.753	3.018.364	6.689.440	108.060	301.198.226
Điều chỉnh khác	1.307.692	1.379.156	-	-	-	-	2.686.848
Tăng trong năm	-	38.831	-	45.181	-	-	84.012
Thanh lý trong năm	(1.337.909)	(10.909.823)	(1.411.908)	-	-	-	(13.659.640)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	227.116.933	19.211.623	34.119.845	3.063.545	6.689.440	108.060	290.309.446
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(62.270.199)	(20.394.839)	(25.456.829)	(2.787.871)	(6.689.440)	(76.543)	(117.675.721)
Khấu hao trong năm	(7.050.826)	(3.878.246)	(2.308.107)	(135.247)	-	(18.010)	(13.390.436)
Thanh lý trong năm	1.337.909	7.334.775	1.398.389	-	-	-	10.071.073
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(67.983.116)	(16.938.310)	(26.366.547)	(2.923.118)	(6.689.440)	(94.553)	(120.995.084)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	164.876.951	8.308.620	10.074.924	230.493	-	31.517	183.522.505
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	159.133.817	2.273.313	7.753.298	140.427	-	13.507	169.314.362

Ngân VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.278.179	15.171.973	40.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	(11.320.873)	(11.320.873)
Hao mòn trong năm	-	(1.286.959)	(1.286.959)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(12.607.832)	(12.607.832)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	25.278.179	3.851.100	29.129.279
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.278.179	2.564.141	27.842.320

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2019	27.072.022	15.001.180	42.073.202
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	(2.218.183)	(2.750.216)	(4.968.399)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(500.039)	(1.239.433)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	(2.957.577)	(3.250.255)	(6.207.832)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	24.853.839	12.250.964	37.104.803
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	24.114.445	11.750.925	35.865.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	6.656.151.071	(59.000.000)	10.312.155.846	(814.942.908)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	5.000.000	-	3.258.537.647	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.3)	7.360.041	-	7.360.041	-
TỔNG CỘNG	6.668.511.112	(59.000.000)	13.578.053.534	(814.942.908)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành								
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	Đang hoạt động	40,83	4.503.226.081	-	57,81	5.100.120.481	-
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (trước đây là "Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai") ("DHA")	Năng lượng	Đang hoạt động	-	-	-	99,40	2.532.179.575	(729.012.108)
Các công ty trực tiếp kinh doanh								
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Trồng trọt và dịch vụ chăn nuôi	Đang hoạt động	78,22	1.977.146.000	-	98,00	2.477.146.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Câu lạc bộ bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (**)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	-	-	-	80,00	26.930.800	(26.930.800)
TỔNG CỘNG				6.656.151.071	(59.000.000)		10.312.155.846	(814.942.908)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(*) Vào ngày 7 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc bán 60.000.000 cổ phiếu HNG cho một bên thứ ba. Theo đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong HNG từ 57,81 % xuống còn 51,04%. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ là 424.805.600 ngàn VND đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, HNG đã hoàn tất phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông để chuyển đổi 221.710 trái phiếu chuyển đổi. Theo đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong HNG từ 51,04 % xuống còn 40,83%.

Theo Công văn số 2008/19/CBTT-HAG ngày 20 tháng 8 năm 2019, mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại HNG của Công ty đã giảm nhưng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát đối với HNG khi ông Nguyễn Đức Văn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của HNG và số lượng thành viên trong HĐQT của HNG đại diện cho Công ty vẫn chiếm đa số (4 thành viên trên tổng số 7 thành viên). Như vậy về mặt pháp luật HNG vẫn là Công ty con của Công ty.

(**) Vào ngày 20 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 2009/NQHĐQT-HAGL về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp chiếm 80,00% vốn điều lệ Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) thuộc sở hữu của Công ty cho DHA. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 293.045.000 ngàn VND. Theo đó, số tiền lãi là 232.263.816 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (*)	-	-	-	196.368.900	47,89	3.253.537.647
TỔNG CỘNG			5.000.000			3.258.537.647

(*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 3009/NQHĐQT-HAGL về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp chiếm 47,93% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh thuộc sở hữu của Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 2.777.901.129 ngàn VND. Số tiền lỗ 475.636.518 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	1.160.041	1.160.041
TỔNG CỘNG	7.360.041	7.360.041

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền thuê đất trả trước	8.880.515	9.151.939
Công cụ, dụng cụ	679.080	909.734
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.095.265	1.007.075
TỔNG CỘNG	10.654.860	11.068.748

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	57.448.358	34.626.192
Phải trả nhà thầu xây dựng	610.000	-
Các khoản khác	147.038	-
TỔNG CỘNG	58.205.396	34.626.192

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 28.223.507 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	1.676.726	695.459
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	517.884	1.755.189
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	410.201	1.483.290
TỔNG CỘNG	2.604.811	3.933.938

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 772.641 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (*Thuyết minh số 29*).

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Thuế thu nhập cá nhân	2.304.645	3.344.797
Thuế giá trị gia tăng	517.692	249.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 28</i>)	65.230	65.230
Các khoản phải nộp khác	2.111.207	-
TỔNG CỘNG	4.998.774	3.659.623

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	794.816.139	383.223.801
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng</i>	794.816.139	379.222.094
<i>Chi phí lãi vay các bên liên quan</i>	-	4.001.707
Chi phí hoạt động	25.787.209	167.032.769
Các khoản khác	2.857.609	2.857.610
	823.460.957	553.114.180
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	1.139.729.876	1.374.149.901
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng</i>	1.139.424.894	1.360.850.638
<i>Chi phí lãi vay các bên liên quan</i>	-	13.299.263
	1.139.729.876	1.374.149.901
TỔNG CỘNG	1.963.190.833	1.927.264.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	95.441.826	899.390.923
Các khoản khác	74.873.601	103.330.907
	170.315.427	1.002.721.830
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	285.000.000	285.000.000
Các khoản khác	7.666.626	285.075.796
	292.666.626	570.075.796
TỔNG CỘNG	462.982.053	1.572.797.626

20. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vay ngắn hạn		
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	120.000.000	429.095.758
Vay dài hạn tới hạn trả ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	326.631.125	775.763.117
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	612.995.000
	446.631.125	1.817.853.875
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	7.044.687.161	8.516.093.277
Vay dài hạn ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	-	77.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	-	298.820.736
	7.044.687.161	8.891.914.013
TỔNG CỘNG	7.491.318.286	10.709.767.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Trái phiếu thường trong nước

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt ("BV")	120.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	-	991.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	-	594.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	-	145.268.040
Chi phí phát hành trái phiếu	(61.312.839)	(71.079.005)
TỔNG CỘNG	7.164.687.161	8.945.189.035
<i>Trong đó:</i>		
Trái phiếu dài hạn	7.044.687.161	8.516.093.277
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	120.000.000	429.095.758

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán 31 tháng 12 năm 2019, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
BSC	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.876.000.000	Ngày 30 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 3 năm 2026
PHUGIASC	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Ngày 29 tháng 3 năm 2016	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
ACBS	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm	300.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	Ngày 18 tháng 6 năm 2023
BV	Ngân hàng TMCP Bản Việt	120.000.000	Ngày 30 tháng 3 năm 2016	Ngày 30 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	249.631.125	553.056.660
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	77.000.000	299.706.457
TỔNG CỘNG	<u>326.631.125</u>	<u>852.763.117</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	-	77.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm</i>	326.631.125	775.763.117



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2018						Ngàn VND
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	86.517.785 (108.070.025)	12.904.264.702 (108.070.025)
Lợi nhuận sau thuế trong năm Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	(927.000)	(927.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240)	12.795.267.677

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2019						Ngàn VND
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2018	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(22.479.240) (656.854.074)	12.795.267.677 (656.854.074)
Lỗ sau thuế trong năm Chi thù lao HĐQT, thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.236.000)	(1.236.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	279.895.303	(680.569.314)	12.137.177.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	927.467.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	927.399.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283	927.399.283

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	33.332.912	20.091.424	100.734.788	150.747.273
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.229.030	8.274.976	63.786.539	45.185.247
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	10.103.882	11.816.448	36.948.249	74.392.276
Doanh thu bất động sản	-	-	-	31.169.750

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	266.831.746	310.791.213	1.098.683.051	1.127.540.551
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	-	-	180.284.836	-
Cổ tức nhận được	79.978	79.977	11.959.978	242.081.177
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	321.127	9.898.451	519.861	23.195.720
Doanh thu tài chính khác	192.558	226.146	514.087	423.461
TỔNG CỘNG	267.425.409	320.995.787	1.291.961.813	1.393.240.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.542.268	5.162.453	54.976.987	37.283.259
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	10.427.207	13.517.075	38.135.590	74.638.440
Giá vốn bất động sản	-	-	-	10.843.600
TỔNG CỘNG	31.969.475	18.679.528	93.112.577	122.765.299

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Chi phí lãi vay	200.494.145	271.519.337	914.705.240	1.077.816.296
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	44.493.862	-	666.241.668	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	(154.385)	16.829.528	469.103	28.602.926
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con	-	132.868.535	-	218.528.242
Các khoản khác	-	4.090.908	-	4.090.908
TỔNG CỘNG	244.833.622	425.308.308	1.581.416.011	1.329.038.372

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Quý IV		Ngàn VND	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	2.827.226	3.136.351	4.120.034
Chi phí lương nhân viên	93.835	876.050	220.335
Các khoản khác	1.184.428	552.363	1.217.024
TỔNG CỘNG	4.105.489	4.564.764	5.557.393

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Quý IV		Ngàn VND	
Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
Chi phí lương nhân viên	13.914.498	35.494.230	42.946.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.283.257	19.549.863	13.961.586
Chi phí khấu hao và hao mòn (Hoàn nhập) trích dự phòng	1.917.112	7.308.291	7.900.652
Chi phí khác	(7.632.598)	(7.668.264)	6.849.962
	49.126.923	5.328.132	141.720.670
TỔNG CỘNG	62.609.192	60.012.252	213.379.470

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			Ngàn VND
	Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước		
Thu nhập khác	372.575	23.141.842	23.141.842	146.111.789	25.692.529		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	20.073.177	20.073.177	-	20.337.469		
Các khoản khác	372.575	3.068.665	3.068.665	146.111.789	5.355.060		
Chi phí khác	13.698.177	3.462.394	3.462.394	455.774.139	9.999.364		
Đánh giá các tài sản không hiệu quả	(29.266.496)	-	-	386.755.712	-		
Các khoản phạt	5.029.546	320.622	320.622	23.651.231	4.436.193		
Lỗ thanh lý tài sản cố định	3.561.529	-	-	8.992.630	-		
Các khoản khác	34.373.598	3.141.772	3.141.772	36.374.566	5.563.171		
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(13.325.602)	19.679.448	19.679.448	(309.662.350)	15.693.165		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Ngàn VND	
	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.066.942
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	782.721	(7.056.104)
TỔNG CỘNG	782.721	(2.989.162)

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(656.071.353)	(111.059.187)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	36.016.034	139.974.378
Chênh lệch tỷ giá từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(85.811)	36.914.755
Thu nhập cổ tức	(11.959.978)	(242.081.178)
Dự phòng phải thu khó đòi	382.927.919	-
Các khoản khác	(125.894.554)	(1.634.235)
Lỗ chịu thuế ước tính	(375.067.743)	(177.885.467)
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động bất động sản	-	4.066.942
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	4.066.942
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.230	45.838.212
Thuế TNDN truy thu của năm trước vào chi phí năm này	4.322.702	-
Thuế TNDN đã cản trừ trong năm	(2.394.952)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.927.750)	(49.839.924)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 17)</i>	65.230	65.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	433.417.522 13.585.096
Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thanh lý khoản đầu tư Lãi vay	293.045.000 8.382.989
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Lãi cho vay	258.230.038
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Mua hàng hóa Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	200.398.547 40.900.991 30.033.462
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	85.008.029
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	28.247.576
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.231.760 612.403
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	15.738.489
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Bên liên quan	Lãi cho vay	12.846.897
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	11.504.781
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.362.829
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Lãi cho vay Mua hàng hóa	7.412.571 6.324.221 3.497.028
Công ty TNHH An Tiến	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.246.774
Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển Nhà Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.227.288
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.097.087 508.977
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.652.778
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Bên liên quan	Lãi cho vay	3.384.688
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Lãi cho vay	4.258.610 60.833



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Bên liên quan	Hợp đồng xây dựng	27.595.944
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con	Bán tài sản cố định Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	26.323.777 14.934.824
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.785.554
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.816.182
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.766.574
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.140.478
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Hợp đồng xây dựng	5.501.714
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.583.442
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.667.459

TỔNG CỘNG

128.115.948

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)

Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	268.265.107
---	-------------	------------------------	-------------

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.877.207.456
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.068.890.232
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	857.847.971
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	86.936.725
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu cho vay ngắn hạn	20.120.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Phải thu cho vay ngắn hạn	16.742.128
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.636.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	1.300.000
TỔNG CỘNG			<u>3.930.680.512</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	4.127.769.426
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	3.216.487.778
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	649.106.397
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	358.538.725
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	275.765.936
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	100.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	49.900.701
TỔNG CỘNG			<u>8.777.568.963</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Chi trả hộ	535.273.728
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	107.926.999
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	99.469.183
		Chi trả hộ	5.151.875
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho mượn tạm	65.635.704
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	27.165.722
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	19.711.031
		Chi trả hộ	10.576.290
Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Chi trả hộ	16.049.756
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	12.780.538
		Chi trả hộ	2.192.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2019

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.355.825
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	1.882.531
TỔNG CỘNG			<u>914.171.182</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	480.411.710
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Lãi cho vay	230.927.298
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	154.362.922
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	17.654.077
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Lãi cho vay	11.089.045
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.149.434
TỔNG CỘNG			<u>895.594.486</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	22.887.524
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.295.863
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con	Mua hàng hóa	1.950.571
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.089.549
TỔNG CỘNG			<u>28.223.507</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i>			
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	772.641



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2019

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Hợp tác kinh doanh	36.000.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Thu hộ	22.769.750
Bà Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	15.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thu hộ	9.408.242
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mượn tạm	7.422.950
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Thu hộ	4.840.884
TỔNG CỘNG			95.441.826
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)			
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Hợp tác kinh doanh	180.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Hợp tác kinh doanh	105.000.000
TỔNG CỘNG			285.000.000

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.


 Trần Thị Thanh Hiếu
 Người lập


 Lê Trương Y Trâm
 Kế toán trưởng


 Võ Trương Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2020